

Số: 346/QĐ-BVĐKY

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 08 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bổ sung bảng giá dịch vụ
khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu
áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA YERSIN NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của bệnh viện ngày 26/08/2025 và Biên bản thẩm định giá dịch vụ KBCB theo yêu cầu ngày 27/08/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bổ sung Bảng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang.

(Đính kèm bảng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu.)

Điều 2. Phòng Kế hoạch – tổng hợp, Phòng Tài chính – kế toán và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 (VBĐT);
- Ban Giám đốc (VBĐT);
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đắc Thuận

**BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THEO YÊU CẦU
ÁP DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA YERSIN NHA TRANG**

*(Kèm theo Quyết định số 346/QĐ-BVĐKY ngày 27 tháng 08 năm 2025
của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang)*

Đvt: đồng

STT	Tên Dịch vụ	ĐVT	Đơn giá DV KCB theo yêu cầu	Giá BHYT	Phụ thu DV KCB yêu cầu	Ghi chú
A	GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH					
1	Khám tầm soát sơ sinh	Lần	120.000		120.000	
B	GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT					
1	Lọc rửa tinh trùng	Lần	1.150.000		1.150.000	
2	Bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI)	Lần	1.350.000		1.350.000	
3	Tinh dịch đồ	Lần	430.000		430.000	
4	Chiếu tia Plasma lạnh điều trị vết thương hoặc vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]	Lần	230.000		230.000	
5	Chiếu tia Plasma lạnh điều trị vết thương hoặc vết mổ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	Lần	390.000		390.000	
6	Chiếu tia Plasma lạnh điều trị vết thương hoặc vết mổ [chiều dài trên 30 cm]	Lần	570.000		570.000	
7	Chiếu đèn vàng da	Lần	25.000		25.000	
8	Giảm đau sau mổ bằng Morphine tùy sống	Lần	1.000.000		1.000.000	
9	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	Lần	1.986.700	786.700	1.200.000	
10	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	Lần	2.710.300	1.510.300	1.200.000	
11	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	Lần	4.604.800	2.604.800	2.000.000	
12	Phẫu thuật lấy thai lần đầu (gây tê)	Lần	3.773.600	1.773.600	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc và oxy

13	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản	Lần	4.501.900	2.501.900	2.000.000	
14	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản (gây tê)	Lần	3.959.100	1.959.100	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc và oxy
15	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Lần	5.217.800	3.217.800	2.000.000	
16	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ (gây tê)	Lần	4.651.700	2.651.700	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc và oxy
17	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	Lần	6.176.200	3.376.200	2.800.000	
18	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên (gây tê)	Lần	5.431.000	2.631.000	2.800.000	Chưa bao gồm thuốc và oxy
19	Phẫu thuật Manchester	Lần	6.913.300	4.113.300	2.800.000	
20	Phẫu thuật Manchester (gây tê)	Lần	6.304.000	3.504.000	2.800.000	Chưa bao gồm thuốc và oxy
21	Phẫu thuật Crossen	Lần	7.244.300	4.444.300	2.800.000	
22	Phẫu thuật Crossen (gây tê)	Lần	6.470.500	3.670.500	2.800.000	Chưa bao gồm thuốc và oxy
23	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	Lần	7.108.300	4.308.300	2.800.000	
24	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	Lần	7.108.300	4.308.300	2.800.000	
25	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần (gây tê)	Lần	6.336.400	3.536.400	2.800.000	Chưa bao gồm thuốc và oxy
26	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn (gây tê)	Lần	6.336.400	3.536.400	2.800.000	Chưa bao gồm thuốc và oxy
27	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	Lần	8.703.300	5.503.300	3.200.000	
28	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn	Lần	8.703.300	5.503.300	3.200.000	
29	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	Lần	8.703.300	5.503.300	3.200.000	
30	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	Lần	9.546.300	6.346.300	3.200.000	
31	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	Lần	9.546.300	6.346.300	3.200.000	
32	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	Lần	8.386.800	5.186.800	3.200.000	
33	Truyền tĩnh mạch (dịch truyền Natri clorid, ringer, glucose)	Chai	90.000		90.000	Chưa bao gồm thuốc và dịch truyền

34	Truyền tĩnh mạch (Truyền đậm và các loại dịch khác)	Chai	130.000		130.000	Chưa bao gồm thuốc và dịch truyền
35	Tiêm bắp thịt/ tiêm tĩnh mạch/ tiêm dưới da	Lần	30.000		30.000	
36	Thông tiểu/ Đặt sonde bàng quang	Lần	150.000		150.000	
37	Đặt ống thông dạ dày	Lần	160.000		160.000	
38	Thay băng	Lần	100.000		100.000	
39	Cắt chỉ	Lần	65.000		65.000	
40	Trích rạch áp xe nhỏ	Lần	450.000	218.500	231.500	
41	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	Lần	350.000	194.700	155.300	
42	Xỏ lỗ tai cho bé	Lần	80.000		80.000	
43	Tắm bé	Lần	49.000		49.000	
44	Massage cho bé	Lần	90.000		90.000	
C	GIÁ NGÀY GIƯỜNG BỆNH					
1	Giường yêu cầu phòng/01 giường - Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Ngày	800.000	222.300	577.700	
2	Giường yêu cầu phòng/02 giường - Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Ngày	500.000	222.300	277.700	
3	Giường yêu cầu phòng/04 giường - Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Ngày	400.000	222.300	177.700	
4	Giường yêu cầu phòng/01 giường - Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền	Ngày	800.000	222.300	577.700	
5	Giường yêu cầu phòng/02 giường - Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền	Ngày	500.000	222.300	277.700	
6	Giường yêu cầu phòng/04 giường - Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền	Ngày	400.000	222.300	177.700	
7	Giường yêu cầu phòng/01 giường - Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Ngày	800.000	177.300	622.700	
8	Giường yêu cầu phòng/02 giường - Giường Nội khoa loại	Ngày	500.000	177.300	322.700	

	3 Hạng II - Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng					
9	Giường yêu cầu phòng/04 giường - Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Ngày	400.000	177.300	222.700	
10	Giường yêu cầu phòng/01 giường - Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền	Ngày	800.000	177.300	622.700	
11	Giường yêu cầu phòng/02 giường - Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền	Ngày	500.000	177.300	322.700	
12	Giường yêu cầu phòng/04 giường - Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền	Ngày	400.000	177.300	222.700	